TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128/2020/QĐST-HNGĐ *Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 646/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B A , thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Bùi Thị Liên K , sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Đ V , thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê T và bà Bùi Thị Liên K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T và bà K không đồng ý trở về chung sống đoàn tụ, ông T và bà K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê T và bà Bùi Thị Liên K xác định có 02 con chung tên Lê Như Nhã Yến Q , sinh ngày: 20-7-2011 và Lê Thị Thúy A , sinh ngày: 27-8-2017. Hai bên thỏa thuận: Ông Lê T đồng ý giao 02 con chung cho bà Bùi Thị Liên K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 cháu). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê T và bà Bùi Thị Liên K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà K , mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T và bà Bùi Thị Liên K đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê T đồng ý giao 02 con chung tên Lê Như Nhã Yến Q , sinh ngày: 20-7-2011 và Lê Thị Thúy A , sinh ngày: 27-8-2017 cho bà Bùi Thị Liên K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 cháu). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê T và bà Bùi Thị Liên K , mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông T và bà K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0023023 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông T và bà K đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Đ V (Giấy CNKH số: 29, quyển số: 01/2011 ngày 14/3/2011);
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dương Đăng Chương